TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 560/2022/HS-ST
Ngày 06/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Duy

C*ác Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Hễ

2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thủy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoài Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 777/2022/HSST, ngày 17/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5479/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15117/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Duong T T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/01/1993, tại Bạc Liêu; Nơi thường trú: A, KP B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Khách sạn E, đường F, phường G, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê T C, sinh năm 1966 và bà Dương M T, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ tên Trương Thị L và 02 con: con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 07/01/2020, Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng tính từ ngày 14/11/2019. Ngày 26/01/2021, Tòa án nhân

dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Quyết định miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại. Ngày 26/01/2021, Cơ sở cai nhgiện ma túy số 1, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy Chứng nhận chấp hành xong cho Lê Duong T T.

Nhân thân:

- Ngày 10/5/2016, Tòa án nhân dân quận G xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 155/2016/HSST. Buộc nộp số tiền 2.500.000 đồng vào Ngân sách nhà nước. Ngày 07/4/2022, Chi cục Thi hành án dân sự quận G đã có công văn thông báo về việc Tân đã thi hành xong số tiền 200.000 đồng án phí dân sự và nộp lại số tiền 2.500.000 đồng.

- Ngày 27/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 37/2016/HSST, tổng hợp hình phạt 12 tháng tù theo Bản án số 155/2016/HSST ngày 10/5/2016 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" buộc chấp hành chung 02 bản án là 27 tháng tù tại Trại giam An Phước, Bộ Công an. Đến ngày 28/02/2018, chấp hành xong hình phạt tù; đã chấp hành xong phần án phí, lệ phí liên quan.

- Ngày 31/10/2018, Ủy ban nhân dân Phường H, quận T Quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh tH niên II tại huyện Củ Chi. Ngày 14/12/2018, Ủy ban nhân dân Phường H, quận T quyết định hủy Quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh tH niên 2 đối với Lê Duong T T.

- Ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân Quận D tuyên phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (theo Bản án số 181/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận D).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/12/2021. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần S**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/8/1992, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi thường trú: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở: đường số P, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đ, sinh năm 1961 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ tên Lê N và 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 10/11/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Bản án số 185/2014/HSPT). Ngày 10/6/2016, chấp hành xong hình phạt án treo; đã chấp hành xong phần án phí.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/12/2021. Có mặt.

3. Họ và tên: **Phan T H**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 29/9/1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường Đ C, Phường 4, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường T, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị D T, sinh năm 1975; Tiền án: không.

Tiền sự:

+ Ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân quận G ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 13/10/2019, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức, Sở lao động Thương Binh xã hội cấp giấy chứng nhận về việc chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh.

+ Ngày 02/3/2020, Tòa án nhân dân Quận D, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng tính từ ngày 29/12/2019. Ngày 28/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương quyết định giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính giảm 02 tháng. Ngày 31/5/2021 Cơ sở cai nghiện ma túy số 3, Lực lượng Thanh niên xung phong cấp giấy Chứng nhận chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: Ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân quận G tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 236/2014/HSST. Ngày 30/5/2022, chấp hành xong phần án phí. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/10/2016.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/12/2021. Có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Trần S: Bà Trần Thị H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Địa chỉ: đường V, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 40 phút, ngày 07/12/2021, Đội hình sự đặc nhiệm Công an Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra trên đường khi đến trước nhà số đường V K, phường H T, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Phan T H có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra thì phát hiện trên người H có 50 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (trị giá tương ứng 25.000.000 đồng) nghi là tiền giả nên đưa H về trụ sở làm việc tại Kết luận giám định số 641/KLGĐ-TT ngày 11/02/2022

của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 50 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sêri KX 12736079; KX 127336099; KX 12736039 và KX 12736009 là tiền giả, được làm trên chất liệu nylon phủ bề mặt bằng lớp sơn màu trắng, nội dung trên các tờ tiền được in bằng phương pháp in phun màu.

Ngày 08/12/2021, Công an Quận D tiến hành bắt giữ Lê Duong T T, Trần S trong trường hợp khẩn cấp và khám xét thu giữ được nhiều công cụ, phương tiện, máy móc phục vụ cho việc làm tiền giả. Quá trình điều tra, xác định số tiền giả trên do các bị can Phan T H, Lê Duong T T và Trần S cùng thực hiện, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 10/2021, do không có tiền tiêu xài nên Lê Duong T T nảy sinh ý định làm tiền giả và rủ Trần S cùng Phan T H là những người bạn để cùng làm tiền giả bán kiếm lời thì Trần S và Phan T H đồng ý. Sau đó, Lê Duong T T đã lên trang mạng xã hội để tìm hiểu cách thức làm tiền giả. Sau khi nắm vững cách làm tiền giả, T đã đến các hiệu sách, tiệm sơn (hiện không nhớ tên, không rõ địa chỉ) để mua các công cụ, phương tiện làm tiền giả như giấy ép nhựa plastic, keo sữa, dao rọc giấy, thước sắt, băng keo, cùng các chai sơn dạng xịt màu trắng và phủ bóng mờ ... do Trần S có kiến thức về công nghệ thông tin nên T phân công S thực hiện công đoạn sử dụng máy vi tính có kết nối mạng Internet tải hình ảnh hai mặt của tờ tiền có số seri là KX12736009 mệnh giá 500.000 từ trang tìm kiếm Google về máy tính. Sau đó, S sử dụng phần mềm Adobe Photoshop CS6 thực hiện chỉnh sửa màu sắc, độ sáng tối và số seri của hình ảnh tờ tiền đã tải về để được hình ảnh của 04 tờ tiền có số seri lần lượt là KX12736009, KX12736079, KX12736099, KX12736039 và in hình ảnh hai mặt của 04 tờ tiền này lên trên giấy in sao cho trùng khớp nhau (mỗi bản in có 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng). T phụ trách làm giấy in tiền giả, phủ sơn bóng mờ lên các bản in và cùng Phan T H cắt thành các tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng hoàn chỉnh. Sau đó, Tân và Phan T H phụ trách tìm khách hàng có nhu cầu mua tiền giả, khi tìm được khách hàng mua tiền giả thì T sẽ giao cho H trực tiếp mang tiền giả đi giao cho khách để lấy tiền thật. Tiền giả làm ra được bán với tỉ lệ 10.000.000 đồng tiền giả sẽ bán với giá 3.000.000 đồng và Tân sẽ trả công cho H và Sơn mỗi người 500.000 đồng, còn lại Tân hưởng 2.000.000 đồng nếu khách là do H tìm được T thì sẽ trả công thêm cho H 500.000 đồng.

Tổng cộng, Lê Duong T T, Trần S và Phan T H đã 02 lần làm tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2021, Lê Duong T T, Trần S và Phan T H làm được 20 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng tương đương 10.000.000 đồng tiền giả. Sau đó, T lấy 01 phong bì thư bỏ 20 tờ tiền giả này vào, kèm số điện thoại

0344.574.076 của khách (do bạn T giới thiệu, nhưng T không nhớ người bạn giới thiệu, cũng như họ tên, địa chỉ người khách này) để H đi giao. Sau khi liên hệ, H được người khách này hẹn đến một chung cư (không nhớ tên chung cư, chỉ biết trên đường Đường Q, phường T, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) để giao dịch tiền giả. H điều khiển xe gắn máy hiệu Wave (do H mua, không nhớ biển số, đã bị mất cắp) đến chung cư giao tiền giả cho khách nhưng sau khi khách xem tiền giả thì chê xấu, không mua và trả lại số tiền giả này. H báo cho T biết khách chê tiền xấu, không mua và đưa lại T số tiền này. Sau đó, số tiền giả này qua nhà S tại số S, phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu hủy bằng máy cắt giấy.

- Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 12/2021, S tiếp tục in được 20 bản in tiền giả (mỗi bản in gồm 04 tờ tiền gồm 04 số seri khác nhau), tương đương 40.000.000 đồng tiền giả. S đưa cho T cắt thì T cắt hỏng 15.000.000 đồng tiền giả và chỉ thu được 25.000.000 đồng tiền giả thành phẩm. Số tiền giả cắt hỏng được T gom vào một bịch nylon màu đen và mang đi tìm chỗ vắng người để bỏ (hiện không nhớ địa điểm đã bỏ bọc nylon màu đen). Sau đó, T báo cho H biết đã làm được 25.000.000 đồng tiền giả và đề nghị H tìm khách mua thì H liên hệ với người khách mà trước đây T đã đưa số điện thoại (do H có kết bạn Zalo với người này). Qua liên hệ, H biết người đàn ông này tên Lợi (không rõ lai lịch, địa chỉ) và thống nhất sẽ mua 25.000.000 đồng tiền giả trên, trong đó Lợi sẽ mua 10.000.000 đồng (tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật và 15.000.000 đồng tiền giả sẽ đổi ngang cho H một chiếc xe gắn máy (do trước đó H có hỏi mua xe máy cũ của người này). Sau đó H báo lại việc thỏa thuận này cho T biết. Đến ngày 07/12/2021, H lấy 02 phong bì thư bỏ số tiền giả 25.000.000 đồng (một bì thư chứa 10.000.000 đồng, phòng bì còn lại chứa 15.000.000 đồng và liên hệ với người đàn ông tên Lợi thì được hẹn đến trước địa chỉ số đường V K, phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giao dịch. Sau khi thỏa thuận xong H mượn xe của Sơn để cùng Tân đến điểm hẹn. Khi đến nơi, Tân lấy xe gắn máy đi về trước, còn H ở lại đợi người đàn ông tên Lợi để giao dịch thì bị tổ công tác của Công an Quận D kiểm tra, phát hiện tiền giả trên người và bắt giữ như trên. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, ngày 08/12/2021 Công an Quận D đã bắt giữ Lê Duong T T và Trần S để xử lý theo quy định của Pháp luật. Quá trình điều tra, Lê Duong T T, Trần S và Phan T H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra, khi Công an Quận D tiến hành khám xét đã thu giữ 05 tờ nhựa khổ A4 đã được in 02 mặt 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tiền giả, nhưng được cắt ra thành những tờ tiền hoàn chỉnh. Nhưng đây là những bản in tiền do các bị can đã thực hiện đầy đủ các công đoạn như: in, sơn phủ mờ… theo kết quả giám định số

641/KLGĐ-TT ngày 11/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản cáo trạng số 403/CTr-VKS-P1 ngày 08/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Duong T T, Trần S và Phan T H về tội "Làm, tàng trữ tiền giả" theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Duong T T từ 09 đến 10 năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Tổng hợp hình phạt với Bản án số 181/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận D, bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 16 năm đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Đề nghị xử phạt bị cáo Trần S từ 08 đến 09 năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Đề nghị xử phạt bị cáo Phan T H từ 08 đến 09 năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên.

Người bào chữa của bị cáo Trần S - Luật sư Trần Thị H trình bày: Thống nhất với tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị đối với bị cáo Trần S. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Số tiền mà bị cáo làm giả chưa tiêu thụ được nên chưa gây thiệt hại do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài

ra, bị cáo xuất thân trong gia đình cách mạng có bà ngoại tên Trương Thị L là bà mẹ Việt Nam anh hùng và được nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Có ông ngoại tên Ngô C và hai cậu tên Ngô Đ L và Ngô Tlà liệt sĩ nên bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, số tiền mà bị cáo làm giả là số tiền để định khung hình phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 không phải là tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 207, điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận: Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì gia đình bị cáo Trần S có công với cách mạng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo Trần S. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên do bị cáo đã thực hiện hành vi nhiều lần nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không phải là tình tiết định khung như lời luật sư trình bày. Đối với hành vi làm tiền giả thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình, việc chưa tiêu thụ được tài sản là do khách quan và không phải là ý chí của bị cáo. Do đó, bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, bản tự khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét

hỏi, tranh luận tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 10/2021, do không có tiền tiêu xài nên Lê Duong T T đã nảy sinh ý định làm tiền giả và rủ Trần S, Phan T H cùng làm tiền giả thì được Trần S và Phan T H đồng ý. Sau đó, T đã đi mua các công cụ, phương tiện làm giả như giấy ép nhựa plastic, keo sữa, dao rọc giấy, thước sắt, băng keo cùng các chai sơn dạng xịt màu trắng và phủ bóng mờ….T phân công S thực hiện việc chỉnh sửa, in ấn tiền giả, T phụ trách làm giấy in tiền giả, phủ sơn bóng mờ lên các bản in và cùng Phan T H cắt tiền giả. Bên cạnh đó, T và H phụ trách tìm khách hàng và H là người trực tiếp giao tiền giả cho khách. Tổng cộng Lê Duong T T, Trần S, Phan T H đã 02 lần làm tiền giả: Lần 01 vào khoảng cuối tháng 11/2021 T, S, H làm được 20 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đã bị hủy; Lần 02 vào khoảng đầu tháng 12/2021 T, S, H làm được 50 (năm mươi) tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng bị thu giữ khi đang trên đường đi giao dịch bán tiền giả và 05 tờ giấy nhựa khổ A4 đã được in thành tờ tiền 02 mặt mệnh giá 500.000 đồng trị giá 10.000.000 đồng. Tổng số tiền giả có giá trị tương ứng là 45.000.000 đồng.

Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền giả có tổng giá trị tương ứng là 45.000.000 đồng. Hành vi của các bị đã phạm vào tội "Làm, tàng trữ tiền giả" được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm hoạt động phát hành, lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ tiền giả là trái pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo Lê Duong T T vừa là người tổ chức vừa là người thực hành, các bị cáo Trần S, Phan T H đồng phạm với vai trò người giúp sức. Ngoài ra, bị cáo Lê Duong T T có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội xâm phạm sở hữu, nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Duong T T, Trần S và Phan T H đã thực hiện hành vi làm và tàng trữ tiền giả 02 lần, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần S là người xuất thân trong gia đình có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Trần S chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người giúp sức.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng đối với bị cáo Lê Duong T T, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo Trần S và Phan T H. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phạt bổ sung 20.000.000 đồng đối với bị cáo Trần S và Phan T H là nghiêm khắc so với hành vi mà các bị cáo thực hiện.

Đối với ý kiến của người bào chữa của bị cáo Trần S: Hội đồng xét xử xét thấy về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản h Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không có căn cứ, việc bị cáo không tiêu thụ được tiền giả nằm ngoài ý chí của bị cáo, hành vi làm tiền giả đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm hoạt động phát hành, lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước nên không thể cho là chưa gây thiệt hại.

[5] Đối với đối tượng tên Lợi sử dụng số điện thoại 0344.574.076 là người liên hệ giao dịch tiền giả với bị cáo Phan T H, Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, truy tìm khi nào xác định được thông tin sẽ triệu tập, lấy lời khai để làm rõ hành vi và xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét phần luận tội của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo Trần S và Phan T H là nghiêm khắc với chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ, hành vi phạm tội,

nhân thân của các bị cáo và lời khai của bị cáo Trần S và Phan T H nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 thùng case máy tính hiệu Infinity, không nắp hông; 01 màn hình máy tính hiệu LG, cũ đã qua sử dụng; 01 chuột máy tính (bể); 01 bàn phím máy tính (cũ đã qua sử dụng); 01 ổ cứng hiệu Orico; 01 máy cắt giấy hiệu Silicon PS 508m (cũ đã qua sử dụng); 02 máy in màu hiệu Epson (cũ đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Trần S xét thấy liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với: Xe hai bánh gắn máy hiệu Honda Click, biển số 59F1 506.86, số khung MLHJF3508D5082319, số máy JF350E-0082319. Quá trình điều tra xác minh xe trên của anh Lưu N L. Năm 2017, anh L bán xe cho tiệm xe máy trên đướng Ông Ích Khiêm với giá 32.000.000 đồng, không nhớ địa chỉ. Do đó, cần tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng đối với xe trên.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31, số Imei 860646045949392 (không kiểm tra đời, imel do không có nguồn điện) thu giữ của bị cáo Phan T H xét đây là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dao rọc giấy; 01 cuộn băng keo; 01 túi keo sữa; 01 cây thước bằng kim loại dài 20cm; 02 miếng nhựa; 150 tờ giấy ép Plastic, trong đó có 50 tờ đã phủ sơn trắng; 05 tờ giấy nhựa khổ A4 có in hai mặt hình 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ trên mỗi tờ; 02 tờ nhựa khổ A4; 17 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736079; 13 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736099; 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736039; 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số sêri KX12736009.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Duong T T 09 (chín) năm tù về tội " Làm, tàng trữ tiền giả". Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù của Bản án số 181/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận D, bị cáo Lê Duong T T phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Duong T T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần S 05 (năm) năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Trần S số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan T H 07 (bảy) năm tù về tội "Làm, tàng trữ tiền giả". Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Phan T H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 thùng case máy tính hiệu Infinity, không nắp hông; 01 màn hình máy tính hiệu LG, cũ đã qua sử dụng; 01 chuột máy tính (bể); 01 bàn phím máy tính (cũ đã qua sử dụng); 01 ổ cứng hiệu Orico; 01 máy cắt giấy hiệu Silicon PS 508m (cũ đã qua sử dụng); 02 máy in màu hiệu Epson (cũ đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31, số Imei 860646045949392 (không kiểm tra đời, imel do không có nguồn điện).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 dao rọc giấy; 01 cuộn băng keo; 01 túi keo sữa; 01 cây thước bằng kim loại dài 20cm; 02 miếng nhựa; 150 tờ giấy ép Plastic, trong đó có 50 tờ đã phủ sơn trắng; 05 tờ giấy nhựa khổ A4 có in hai mặt hình 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ trên mỗi tờ; 02 tờ nhựa khổ A4; 17 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736079; 13 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736099; 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số seri KX12736039; 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ có số sêri KX12736009.

+ Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn kể từ ngày đăng báo không ai đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với xe hai bánh gắn

máy; nhãn hiệu Honda; Số loại: Click; Dung tích xi lanh 125; BS 59F1-506.86, SK: MLHJF3508D5082319, SM: JF350E-0082319 (không gương, xe cũ rỉ sét, đèn trước bể, máy móc bên trong không kiểm tra).

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/533 ngày 18/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tối cao;* (1)
- *TAND cấp cao tại TP.HCM;* (1)
- *VKSND TP.HCM;* (3)
- *Cục THADS TP.HCM;* (1)
- *Sở Tư pháp TP.HCM;* (1)
- *Trại giam;* (1)
- *Bị cáo;* (3)
- *THAHS TP.HCM;* (1)
- *CA TP.HCM;* (1)
- *UBND xã nơi bị cáo cư trú;* (3)
- *Lưu: VT, hồ sơ.* (18)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Duy